TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Y** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2018/ HNGĐ – ST
Ngày 27/9/ 2018.
V/v: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Y,TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Hà.

2. Bà Lê Thị Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thái Hà – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Y tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Minh Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2018/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2018 về việc: " *Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2018 và thông báo mở lại phiên tòa số: 28/2018/TB-XX ngày 13/9/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thúy N - sinh năm 1977.

ĐKNKTT: Tổ 18, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái.

Địa chỉ liên lạc: số 702/36A đường 30/4, tổ 3, khu phố 9, phường R, thành phố V. Vắng mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Đức V - sinh năm 1975.

ĐKNKTT: Tổ 32, phố P, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/6/2018; bản tự khai;các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn chị Trần Thị Thúy N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Đức V đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái vào ngày 16/10/2007 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu .Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh

mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và đã sống ly thân từ tháng 3/2015 đến nay và không quan tâm đến nhau. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh Nguyễn Đức V. Do đường xá xa xôi đi lại khó khăn và điều kiện công việc nên tôi đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Về con chung: Tôi và anh V có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức C, sinh ngày 10/4/2009. Hiện nay cháu C đang ở cùng tôi. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu. không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung : Tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần anh Nguyễn Đức V nhưng anh V đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án, cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa. Những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục giải quyết vụ án theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Thúy N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Trần Thị Thúy N có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái giải quyết về việc: " Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" giữa chị N và anh Nguyễn Đức V trú tại: Tổ 22, phố Phúc C, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Y.

Nguyên đơn chị Trần Thị Thúy N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Đức V đã được tống đạt hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thúy N và anh Nguyễn Đức V có đăng ký kết hôn vào ngày 16/10/2007 tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong lối sống, cách sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2015 đến nay và không quan tâm đến nhau. Chị N có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và giải quyết vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị Nga, anh Vương đã

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh V.

[3]. Về con chung: Chị N và anh V có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức C, sinh ngày 10/4/2009, hiện cháu C đang ở cùng chị N. Xét yêu cầu của chị N xin được trực tiếp, nuôi dưỡng cháu C là phù hợp, nên cần giao cháu C cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản và nợ chung: Chị N không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Các vấn đề khác.

- Về án phí : Chị Trần Thị Thúy N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV- QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. ***Về quan hệ hôn nhân:*** Chị Trần Thị Thúy N được ly hôn anh Nguyễn Đức V.

2. ***Về con chung:*** Giao cháu Nguyễn Đức C, sinh ngày 10/4/2009 cho chị Trần Thị Thúy N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi cháu C và có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu C mà không ai được cản trở.

3. ***Về án phí:*** Chị Trần Thị Thúy N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ và số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0000553 ngày 06/6//2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

4. ***Về quyền kháng cáo***: Chị Trần Thị Thúy N và anh Nguyễn Đức C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Y;
- Chi cục thi hành án Dân sự TP Y;
- Các đương sự;
-UBND phường T, TX N;
- Lưu: Hồ sơ; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hòa